

Bản án số: 108/2022/HC-PT

Ngày: 28-4-2022

V/v khiếu kiện quyết định hành chính,  
hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Phạm Việt Cường**.

*Các Thẩm phán:* Ông **Nguyễn Tấn Long**.

Bà **Lê Thúy Cầu**.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông **Phạm Minh Hoàng** - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng:** Ông **Nguyễn Chiến** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 28-4-2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk. Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 316/2021/TLPT-HC ngày 05-11-2021 về “Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 51/2021/HC-ST ngày 27-9-2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1439/2021/QĐ-PT ngày 01-4-2022, giữa các đương sự:

**- Người khởi kiện:**

Ông **Trần P**; địa chỉ cư trú: Tổ dân phố 3, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, có mặt tại phiên tòa.

*Người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 11-01-2021 và ngày 22-12-2021):*

Ông **Nguyễn Tấn N**; địa chỉ cư trú: huyện K, tỉnh Đắk Lắk, có mặt tại phiên tòa.

Ông **Đặng Ngọc H**; địa chỉ cư trú: tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

**- Người bị kiện:**

**1. Ủy ban nhân dân huyện K.**

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông **Trương Hoài A** - Chức vụ: Chủ tịch UBND huyện K.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông **Trần S** - Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND huyện K, có mặt tại phiên tòa.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND huyện K:*

Ông **Trần Minh T** và ông **Lê Ngọc T** - Chức vụ: Phó trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện K, đều có mặt tại phiên tòa.

Ông **Nguyễn Tuấn T** - Chức vụ: Phó chủ tịch UBND thị trấn K, có mặt tại phiên tòa.

Ông **Đoàn Minh H** - Chức vụ: Chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện K, có mặt tại phiên tòa.

## **2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện K.**

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông **Trần S** - Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND huyện K, tỉnh Đắk Lắk, có mặt tại phiên tòa.

*- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

**1. Bà Bùi Thị H;** địa chỉ cư trú: Nhà số 76 H, tổ dân phố 3, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, có mặt tại phiên tòa.

**2. Bà Trần Thị T;** địa chỉ cư trú: Nhà số 76 H, tổ dân phố 3, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

**3. Bà Trần Thị Minh H;** địa chỉ cư trú: Nhà số 76 H, tổ dân phố 3, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

*Người đại diện theo ủy quyền của bà H, bà T và bà H:*

Ông **Trần P;** địa chỉ cư trú: Tổ dân phố 3, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, có mặt tại phiên tòa.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Người khởi kiện trình bày:*

Năm 1987, gia đình tôi (Trần P) có khai hoang khoảng 600 m<sup>2</sup> đất tại Khu vực trung tâm huyện K, sau đó dựng ngôi nhà bằng tranh tre, lá nứa để ở và mở quán kinh doanh. Năm 1994, dựng nhà gỗ, năm 1997 dời nhà gỗ vào vị trí diện tích đất 111,8 m<sup>2</sup>. Năm 2000, xây dựng thêm trên diện tích 111,8 m<sup>2</sup> mà Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) huyện K cho là vi phạm hành chính.

Ngày 25-01-2007, UBND huyện K, tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 86/QĐ-KPHQ, buộc gia đình tôi tháo dỡ vật kiến trúc xây dựng trên diện tích đất 111,8 m<sup>2</sup>. Sau khi nhận quyết định, tôi đã khiếu nại liên tục nhưng không được giải quyết. Đến ngày 24-3-2016, Chủ tịch UBND huyện K ban hành Quyết định số 1045/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại lần đầu của bà Bùi Thị H (vợ tôi), với nội dung không chấp nhận khiếu nại của gia đình tôi. Không đồng ý với quyết định này, tôi khiếu nại đến UBND tỉnh Đắk Lắk. Trong quá trình UBND tỉnh đang giải quyết khiếu nại, thì Chủ tịch UBND huyện K ban hành Quyết định số 1006/QĐ-UBND ngày 02-3-2017 hủy bỏ Quyết định số 1045/QĐ-UBND ngày 24-3-2016.

Nhận thấy, Chủ tịch UBND huyện K ban hành Quyết định số 1006/QĐ-UBND ngày 02-3-2017 là không đúng thẩm quyền, bởi lẽ tôi đang khiếu nại đến UBND tỉnh

và sự việc đang được UBND tỉnh giải quyết, nhưng Chủ tịch UBND huyện K lại ban hành Quyết định số 1006/QĐ-UBND ngày 02-3-2017.

Việc Chủ tịch UBND huyện K ban hành Quyết định số 86/QĐ-KPHQ ngày 25-01-2007 buộc gia đình tôi tháo dỡ vật kiến trúc xây dựng trên diện tích đất 111,8 m<sup>2</sup> và Quyết định số 1006/QĐ-UBND ngày 02-3-2017 hủy bỏ quyết định số 1045/QĐ-UBND là không đúng, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình tôi. Do đó, tôi khởi yêu cầu Tòa án tuyên hủy Quyết định số 86/QĐ-KPHQ ngày 25-01-2007; Quyết định số 1006/QĐ-UBND ngày 02-3-2017; buộc Chủ tịch UBND huyện K phải bồi thường thiệt hại do hành vi tháo dỡ các tài sản trên đất với tổng số tiền là 250.000.000 đồng; buộc UBND huyện K phải cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 613 m<sup>2</sup> cho gia đình tôi.

*Người bị kiện trình bày:*

**1. Về yêu cầu hủy Quyết định số 86/QĐ-KPHQ ngày 25-01-2007 của Chủ tịch UBND huyện K:**

Năm 1987, huyện K được thành lập trên cơ sở tách ra từ huyện Krông Búk. Thời điểm này, Ban cán sự hành chính huyện tiến hành quy hoạch, phân lô và giao đất cho các hộ gia đình, cá nhân là cán bộ, công chức để làm nhà ở và tranh thủ thời gian tăng gia sản xuất nhằm tăng thêm thu nhập, cải thiện đời sống tại các khu vực nằm ngoài khu vực trung tâm. Trong đó, ông Trần P được Ban cán sự hành chính huyện giao 01 lô đất tại khu B, xã K (nay là tổ dân phố 2, thị trấn K), có diện tích 3.860 m<sup>2</sup> và đến năm 1990, ông P đã chuyển nhượng cho ông Phan Thanh B và bà Tạ Thị T, trú tại tổ dân phố 2, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Cũng vào năm 1987, bà Võ Thị M (là mẹ của ông P) có hộ khẩu thường trú tại xã P đã đến khu vực ngã tư trung tâm huyện mở quán bán hàng (làm tạm lều quán để bán hàng, chưa được cấp có thẩm quyền giao đất).

Cuối năm 1993, huyện được đầu tư công trình lưới điện và đặt bình biến áp tại khu vực ngã tư trung tâm huyện. Để đảm bảo vận hành an toàn lưới điện, UBND huyện đã giải quyết giao cho gia đình bà Võ Thị M 01 lô đất tại vị trí trục đường B đi xã T, đoạn đối diện Công ty Thương mại cũ (nay là tổ dân phố 5, thị trấn K), với diện tích 160 m<sup>2</sup> (08 m x 20 m) và bà M đã di dời toàn bộ lều quán từ khu vực ngã tư trung tâm huyện xuống vị trí đất mới để ở và buôn bán. Qua kiểm tra hồ sơ quản lý hộ khẩu do Công an thị trấn K cung cấp, thì đến ngày 06-6-1995, hộ bà Võ Thị M mới chuyển hộ khẩu từ xã P đến xã K (tổng số 02 nhân khẩu gồm: bà M và con gái là Trần Thị T). Năm 1997, do không còn nhu cầu sử dụng, nên gia đình bà Võ Thị M đã chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất này cho ông Dương Quang N để về xã P, huyện K sinh sống.

Trong khoảng thời gian từ năm 1993 - 1994, UBND huyện đã tổ chức giao đất thông qua đấu giá quyền sử dụng đất. Trong đó, hộ ông Trần P và bà Bùi Thị H được hợp thức hóa (thông qua hợp đồng đấu thầu đất chuyên dùng) 01 lô đất số C18, diện tích 134 m<sup>2</sup> (6,7 m x 20 m) và sau đó được UBND huyện K ban hành Quyết định số 232/1998/QĐ-UB ngày 03-9-1998 về việc giao quyền sử dụng đất. Qua kiểm tra thực tế theo hiện trạng sử dụng, ông P và bà H đã lấn, chiếm sử dụng và xây dựng nhà ở kiên cố liền kề phía sau lô đất số C18 (thửa 67), tăng thêm khoảng 19,1 m<sup>2</sup>. Phát hiện việc hộ ông Trần P, bà Bùi Thị H làm nhà tạm bằng gỗ thưng ván rồi coi nói xây

bằng gạch phía sau lô đất số lô C18, thuộc đất dự trữ của huyện, nên ngày 21-8-2006, UBND huyện K ban hành Thông báo số 42/TB-UBND về việc tháo dỡ và trả lại mặt bằng tại khu vực ngã tư trung tâm huyện; theo đó “*Yêu cầu hộ ông Trần P khẩn trương tự tháo dỡ, di dời bàn giao mặt bằng cho huyện sử dụng vào mục đích khác*”, nhưng hộ gia đình ông Trần P, bà Bùi Thị H không thực hiện.

Ngày 03-11-2006, Phòng Tài Nguyên và Môi trường huyện K có Báo cáo số 37/BC-TNMT về việc ông Trần P không tháo dỡ nhà trái phép. Ngày 13-11-2006, UBND thị trấn K lập biên bản vi phạm hành chính về đất đai do ông Lê Quang Bông, Chủ tịch UBND thị trấn K ký, theo đó đã xác định “*Hộ ông Trần P, bà Bùi Thị H tự dựng nhà trên đất dự trữ của huyện với diện tích 111,8 m<sup>2</sup> khu vực ngã tư trung tâm huyện. Đề nghị hộ ông Trần P tự tháo dỡ phần diện tích lấn chiếm trong vòng 07 ngày kể từ ngày lập biên bản*”. Ngày 04-01-2007, Phòng Tài nguyên và Môi trường tổ chức cuộc họp, ông Trần P và bà Bùi Thị H hẹn trước ngày ngày 08-3-2007 sẽ tự tháo dỡ toàn bộ nhà ở, vật kiến trúc xây dựng trên khu đất.

Ngày 25-01-2007, Chủ tịch UBND huyện K ban hành Quyết định số 86/QĐ-KPHQ áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra trong lĩnh vực đất đai, theo đó: “*Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính đối với ông Trần P; nghề nghiệp: công chức; địa chỉ: Tổ dân phố 3, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; lý do: đã lấn chiếm đất dự trữ của huyện; hậu quả cần khắc phục: nhà ở, vật kiến trúc đã xây dựng trên đất dự trữ; biện pháp cần khắc phục hậu quả là: tự giải tỏa, tháo dỡ toàn bộ nhà ở, vật kiến trúc xây dựng trên khu đất, thuộc đất dự trữ của huyện K để trả lại hiện trạng ban đầu*”. Ngày 26-01-2007, ông Trần P có đơn đề nghị UBND huyện xin gia hạn đến hết ngày 12 tết Nguyên đán, tức là ngày 28-02-2007 (dương lịch) gia đình sẽ thực hiện theo Quyết định số 86/QĐ-KPHQ (nêu trên). Ngày 09-3-2007, Phòng Tài nguyên và Môi trường tổ chức cuộc họp, ông Trần P, bà Bùi Thị H hẹn đến ngày 09-4-2007 sẽ tự tháo dỡ toàn bộ nhà ở, vật kiến trúc xây dựng trên khu đất, nhưng ngày 11-3-2007, ông P và bà H đã tự thực hiện tháo dỡ.

Như vậy, ông Trần P, bà Bùi Thị H đã tự nguyện thực hiện việc giải tỏa, tháo dỡ nhà ở, vật kiến trúc xây dựng trên đất theo Quyết định số 86/QĐ-KPHQ ngày 25-01-2007 của UBND huyện. Do đó, Quyết định số 86/QĐ-KPHQ này đã được thực hiện xong trên thực tế kể từ ngày 11-3-2007; đồng thời, tại Biên bản làm việc ngày 30-3-2007, giữa Thanh tra huyện K với ông Trần P, bà Bùi Thị H, thì ông bà khẳng định: Không khiếu nại Quyết định số 86/QĐ-KPHQ ngày 25-01-2007 của UBND huyện K mà kiến nghị UBND huyện K giải quyết: Hỗ trợ đất tái định cư, hỗ trợ tiền di dời. Tuy nhiên, nội dung kiến nghị này không đủ điều kiện để giải quyết, nên đã được Phòng Tài nguyên và Môi trường trả lời cho ông P tại Công văn số 06/CV-TNMT ngày 02-3-2008. Việc UBND thị trấn K lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai ngày 13-11-2006 đối với ông Trần P, bà Bùi Thị H đã hết thời hiệu xử phạt nên ngày 25-01-2007, UBND huyện K ban hành Quyết định số 86/QĐ-KPHQ áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra trong lĩnh vực đất đai.

Từ những lý do nêu trên, UBND huyện khẳng định việc yêu cầu hủy Quyết định số 86/QĐ-KPHQ ngày 25-01-2007 của Chủ tịch UBND huyện K của ông Trần P là không có cơ sở; đồng thời, đề nghị Tòa án căn cứ điểm a khoản 2 Điều 116 của

Luật Tổ tụng hành chính để xem xét về thời hiệu khởi kiện theo quy định của pháp luật.

**2. Về yêu cầu hủy Quyết định số 1006/QĐ-UBND ngày 02-3-2017 của Chủ tịch UBND huyện K về việc hủy bỏ Quyết định số 1045/QĐ-UBND ngày 24-3-2016 của Chủ tịch UBND huyện K:**

Chủ tịch UBND huyện K ban hành Quyết định số 1006/QĐ-UBND ngày 02-3-2017 về việc hủy bỏ Quyết định số 1045/QĐ-UBND ngày 24-3-2016, với lý do: Quyết định số 86/QĐ-KPHQ ngày 25-01-2007 của Chủ tịch UBND huyện K đã được thực hiện, cụ thể ngày 11-3-2007 ông Trần P, bà Bùi Thị H đã tự nguyện thực hiện việc giải tỏa, tháo dỡ nhà ở, vật kiến trúc xây dựng trên đất. Tại Biên bản làm việc ngày 30-3-2007 giữa Thanh tra huyện K với ông Trần P, bà Bùi Thị H, thì ông P và bà H đã khẳng định: Không khiếu nại Quyết định số 86/QĐ-KPHQ ngày 25-01-2007 của UBND huyện K. Như vậy, việc yêu cầu hủy Quyết định số 1006/QĐ-UBND ngày 02-3-2017 của Chủ tịch UBND huyện K về việc hủy bỏ Quyết định số 1045/QĐ-UBND ngày 24-3-2016 của Chủ tịch UBND huyện K là không có căn cứ; đồng thời, đề nghị Tòa án xem xét về thời hiệu khởi kiện theo quy định của pháp luật.

**3. Về việc yêu cầu UBND huyện K cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 613 m<sup>2</sup> đất:**

Căn cứ Điều 99, 100 và 101 của Luật Đất đai năm 2013 (thời điểm trước ngày 01-7-2014, được quy định tại khoản 4 và 6 Điều 50 của Luật Đất đai năm 2003); Điều 20 và 21 Nghị định số 43/2014/NĐ ngày 15-5-2014 của Chính phủ (thời điểm trước ngày 01-7-2014, được quy định tại Điều 3, Điều 14 và Điều 15 Nghị định số 87/2007/NĐ-CP ngày 25-5-2007 của Chính phủ). Qua kiểm tra hiện trạng sử dụng đất mà ông Trần P yêu cầu UBND huyện K phải cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là Giấy CNQSDĐ) đối với diện tích 613 m<sup>2</sup> xác định: Hiện trạng sử dụng đất đối với diện tích là 613,1 m<sup>2</sup>, trong đó: diện tích 497,5 m<sup>2</sup> là đất trống, đất bằng chưa sử dụng do UBND thị trấn K quản lý; diện tích 115,6 m<sup>2</sup> đất còn lại, các hộ đang lấn, chiếm sử dụng.

- Đối với diện tích 497,5 m<sup>2</sup> là đất trống, đất bằng chưa sử dụng và do UBND thị trấn K quản lý; trong đó, 224,8 m<sup>2</sup> đất do trước đây các hộ lấn, chiếm và đã tự nguyện giải phóng mặt bằng để UBND thị trấn K quản lý, bao gồm: diện tích 39,8 m<sup>2</sup> đất (ông Nguyễn Tài Hùng lấn, chiếm và đã tự nguyện giải phóng mặt bằng); diện tích 73,2 m<sup>2</sup> đất (ông Võ Tấn Thành lấn, chiếm và đã tự nguyện giải phóng mặt bằng); diện tích 111,8 m<sup>2</sup> đất (hộ ông Trần P và bà Bùi Thị H lấn, chiếm), nhưng đã tự nguyện thực hiện tháo dỡ từ ngày 11-3-2007 (chấp hành Quyết định số 86/QĐ-KPHQ ngày 25-01-2007 của Chủ tịch UBND huyện K về áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra trong lĩnh vực đất đai).

- Đối với diện tích 115,6 m<sup>2</sup> đất, hiện trạng các hộ đang lấn, chiếm sử dụng gồm: ông Trần P và bà Bùi Thị H lấn, chiếm dựng nhà gỗ diện tích 65,8 m<sup>2</sup>; ông Đoàn Văn Lê lấn, chiếm sử dụng diện tích 49,8 m<sup>2</sup>.

Từ những căn cứ và hiện trạng sử dụng đất nêu trên, xét thấy: Để được công nhận quyền sử dụng đất; cấp Giấy CNQSDĐ trong trường hợp này phải đáp ứng được

điều kiện quy định tại điểm a khoản 1 Điều 99 của Luật Đất đai năm 2013.

Việc cấp Giấy CNQSDĐ cho hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất mà không có giấy tờ về quyền sử dụng đất và không vi phạm pháp luật về đất đai được quy định tại Điều 20 Nghị định số 43/2014 ngày 15-5-2014 của Chính phủ. Thời điểm trước ngày 01-7-2014, việc cấp Giấy CNQSDĐ trong trường hợp đất do hộ gia đình, cá nhân sử dụng từ trước ngày 15-10-1993 mà không có một trong các loại giấy tờ được quy định tại khoản 1 Điều 50 của Luật Đất đai năm 2003; việc cấp Giấy CNQSDĐ trong trường hợp đất do hộ gia đình, cá nhân sử dụng từ ngày 15-10-1993 trở về sau được quy định tại Điều 14 và Điều 15 Nghị định số 87/2007/NĐ-CP ngày 25-5-2007 của Chính phủ.

Việc sử dụng đất ổn định được quy định tại khoản 1 Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ. Thời điểm trước ngày 01-7-2014, việc sử dụng ổn định được quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 87/2007/NĐ-CP ngày 25-5-2007 của Chính phủ.

Qua kiểm tra hiện trạng sử dụng đất đối với diện tích là 613,1 m<sup>2</sup> thì việc ông Trần P yêu cầu UBND huyện K phải cấp Giấy CNQSDĐ đối với diện tích 613 m<sup>2</sup> đất nêu trên cho gia đình ông là không có cơ sở để xem xét.

**4. Về việc yêu cầu UBND huyện K phải bồi thường thiệt hại do hành vi tháo dỡ các tài sản trên đất:**

Căn cứ quy định tại Điều 74 và Điều 75 của Luật Đất đai năm 2013 (tại thời điểm trước ngày 01-7-2014, được quy định tại Điều 42 của Luật Đất đai năm 2003) thì trường hợp hộ ông Trần P, bà Bùi Thị H không thuộc trường hợp được pháp luật quy định về bồi thường thiệt hại.

*Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 52/2021/HC-ST ngày 27-9-2021, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk:*

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 116, điểm g khoản 1 Điều 143; điểm a khoản 2 Điều 193 của Luật Tổ tụng hành chính; khoản 2 Điều 6 của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước; Điều 99, Điều 100, Điều 101 của Luật Đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

- Bác yêu cầu khởi kiện của ông Trần P về việc buộc UBND huyện K phải cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 613 m<sup>2</sup> tại thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

- Đình chỉ giải quyết đối với các yêu cầu của ông Trần P về: hủy các Quyết định số 86/QĐ-KPHQ ngày 25-01-2007 của Chủ tịch UBND huyện K về áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả do hành vi vi phạm hành chính gây ra trong lĩnh vực đất đai đối với ông Trần P; Quyết định số 1006/QĐ-UBND ngày 02-3-2017 của Chủ tịch UBND huyện K về việc hủy bỏ Quyết định số 1045/QĐ-UBND ngày 24-3-2016; buộc Chủ tịch UBND huyện K phải bồi thường thiệt hại do hành vi tháo dỡ các tài sản trên đất với tổng số tiền là 250.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 07-10-2021, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện (ông Nguyễn Tấn N) kháng cáo, đề nghị hủy bản án sơ thẩm, với lý do quyết định của bản án không phù hợp với các tình tiết khách quan của vụ án, gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện.

*Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở đánh giá đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của các đương sự và những người tham gia tố tụng khác.*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Ngày 07-10-2021, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện kháng cáo bản án sơ thẩm; đơn kháng cáo của đương sự là trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 206 của Luật Tố tụng hành chính, do đó Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm. Tại phiên tòa, người kháng cáo giữ nguyên các nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, với lý do quyết định của bản án không phù hợp với các tình tiết khách quan của vụ án, nên đã gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện; người bị kiện vắng mặt và có quan điểm giữ nguyên quyết định hành chính đã ban hành. Như vậy, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính: Bác kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện; giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

[2]. Xét kháng cáo của đương sự:

[2.1]. Về tố tụng:

- Về đối tượng khởi kiện:

Quyết định số 86/QĐ-KPHQ ngày 25-01-2007 của Chủ tịch UBND huyện K về áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả do hành vi vi phạm hành chính gây ra trong lĩnh vực đất đai đối với ông Trần P; Quyết định số 1006/QĐ-UBND ngày 02-3-2017 của Chủ tịch UBND huyện K về việc hủy bỏ quyết định số 1045/QĐ-UBND ngày 24-3-2016 đều là các quyết định có nội dung “làm phát sinh, thay đổi, hạn chế, chấm dứt quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân...” nên là quyết định hành chính và là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Luật Tố tụng hành chính.

- Về thời hiệu khởi kiện:

Ngày 25-01-2007, Chủ tịch UBND huyện K ban hành Quyết định số 86/QĐ-KPHQ về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả do hành vi vi phạm hành chính gây ra trong lĩnh vực quản lý đất đai đối với ông Trần P. Không đồng ý với quyết định này, ông P đã khiếu nại. Ngày 24-3-2016, Chủ tịch UBND huyện K ban hành Quyết định số 1045/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của bà Bùi Thị H (vợ ông P), với nội dung không chấp nhận khiếu nại của gia đình ông Trần P. Ông P tiếp tục khiếu nại đến UBND tỉnh Đắk Lắk. Trong thời gian ông P khiếu nại,

thì ngày 02-3-2017, Chủ tịch UBND huyện K ban hành Quyết định số 1006/QĐ-UBND hủy bỏ quyết định số 1045/QĐ-UBND ngày 24-3-2016.

Cho rằng việc Chủ tịch UBND huyện K ban hành các quyết định nêu trên là xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình mình, nên ngày 12-01-2021, ông Trần P có đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án tuyên hủy các Quyết định số 86/QĐ-KPHQ ngày 25-01-2007; Quyết định số 1006/QĐ-UBND ngày 02-3-2017 và buộc Chủ tịch UBND huyện K phải bồi thường thiệt hại do hành vi tháo dỡ các tài sản trên đất với tổng số tiền là 250.000.000 đồng.

Tại Bản tự khai ngày 06-4-2021 (bút lục số 44), ông Trần P thừa nhận ông đã nhận được Quyết định số 1006/QĐ-UBND ngày 02-3-2017 trong tháng 3-2017. Tại phiên tòa sơ thẩm ông Trần P cho rằng ông khiếu nại liên tục, nhưng không được giải quyết và ông P đã cung cấp các Phiếu chuyển đơn của Đoàn đại biểu Quốc hội, Văn phòng huyện ủy K. Tuy nhiên, tại khoản 1 Điều 7 của Luật Khiếu nại quy định: *“Trường hợp người khiếu nại không đồng ý với quyết định giải quyết lần đầu hoặc quá thời hạn quy định mà khiếu nại không được giải quyết thì có quyền khiếu nại lần hai đến thủ trưởng cấp trên trực tiếp của người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần đầu hoặc khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án theo quy định của Luật Tổ tụng hành chính”* và tại điểm a khoản 3 Điều 116 của Luật Tổ tụng hành chính quy định: *“3) Trường hợp đương sự khiếu nại theo đúng quy định của pháp luật đến cơ quan Nhà nước, người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại thì thời hiệu khởi kiện được quy định như sau: a) 01 năm kể từ ngày nhận được hoặc biết được quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu hoặc quyết định giải quyết khiếu nại lần hai”*. Các Phiếu chuyển đơn của ông Trần P được gửi từ năm 2017, trong khi thời hạn giải quyết khiếu nại tối đa là 60 ngày, thời hiệu khởi kiện là 01 năm, nhưng đến ngày 21-01-2021, ông Trần P mới khởi kiện. Như vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xác định hết thời hiệu khởi kiện đối với các quyết định hành chính, nên *“Đình chỉ giải quyết đối với các yêu cầu của ông Trần P về: hủy các Quyết định số 86/QĐ-KPHQ ngày 25-01-2007 của Chủ tịch UBND huyện K về áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả do hành vi vi phạm hành chính gây ra trong lĩnh vực đất đai đối với ông Trần P; Quyết định số 1006/QĐ-UBND ngày 02-3-2017 của Chủ tịch UBND huyện K về việc hủy bỏ quyết định số 1045/QĐ-UBND ngày 24-3-2016; buộc Chủ tịch UBND huyện K phải bồi thường thiệt hại do hành vi tháo dỡ tài sản trên đất với số tiền là 250.000.000 đồng”* là đúng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật Tổ tụng hành chính; khoản 2 Điều 6 của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

[2]. Về nội dung:

Ngoài việc khởi kiện Quyết định số 86/QĐ-KPHQ ngày 25-01-2007 của Chủ tịch UBND huyện K và Quyết định số 1006/QĐ-UBND ngày 02-3-2017 của Chủ tịch UBND huyện K, thì ông Trần P còn yêu cầu Tòa án buộc UBND huyện K phải cấp Giấy CNQSDĐ đối với diện tích 613 m<sup>2</sup> tại thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk cho gia đình ông. Tuy nhiên, các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện trong tổng diện tích đất 613,1 m<sup>2</sup>, có 497,5 m<sup>2</sup> là đất trống, đất bằng chưa sử dụng do UBND thị trấn K quản lý; diện tích 115,6 m<sup>2</sup> đất còn lại, thì các hộ dân đang lấn, chiếm sử dụng, cụ thể:

- Đối với diện tích 497,5 m<sup>2</sup> là đất trống, đất bằng chưa sử dụng và do UBND thị



trần K quản lý; trong đó, có 224,8 m<sup>2</sup> đất do trước đây các hộ lấn, chiếm, nhưng đã tự nguyện giải phóng mặt bằng để UBND thị trấn K quản lý, bao gồm: 39,8 m<sup>2</sup> đất, do ông Nguyễn Tài H lấn, chiếm và đã tự nguyện giải phóng mặt bằng; 73,2 m<sup>2</sup> đất, do ông Võ Tấn T lấn, chiếm và đã tự nguyện giải phóng mặt bằng; còn 111,8 m<sup>2</sup> đất, do hộ ông Trần P và bà Bùi Thị H lấn, chiếm và xây dựng nhà ở, nhưng đã tự nguyện thực hiện tháo dỡ từ ngày 11-3-2007 (chấp hành Quyết định số 86/QĐ-KPHQ ngày 25-01-2007 của Chủ tịch UBND huyện K về áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra trong lĩnh vực đất đai).

- Đối với diện tích 115,6 m<sup>2</sup> đất, hiện các hộ đang lấn, chiếm sử dụng, gồm: ông Trần P và bà Bùi Thị H lấn, chiếm và dựng nhà gỗ trên diện tích 65,8 m<sup>2</sup>; ông Đoàn Văn Lê lấn, chiếm sử dụng diện tích 49,8 m<sup>2</sup>.

Căn cứ vào các chứng cứ nêu trên, có cơ sở để xác định diện tích đất mà ông Trần P yêu cầu UBND huyện K cấp Giấy CNQSDĐ không đảm bảo các điều kiện được cấp Giấy CNQSDĐ theo quy định tại Điều 99 của Luật Đất đai năm 2013; không có các giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 100 của Luật đất đai năm 2013 và không được cơ quan có thẩm quyền tại địa phương xác nhận là đất sử dụng ổn định, không có tranh chấp theo quy định tại Điều 101 của Luật Đất đai năm 2013. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk “*Bác yêu cầu khởi kiện của ông Trần P về việc buộc UBND huyện K phải cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 613 m<sup>2</sup> tại thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk*” là có căn cứ, đúng pháp luật.

Như vậy, các nội dung kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện đã được Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét, nhưng không có cơ sở để chấp nhận.

[3]. Về án phí:

Do kháng cáo không được chấp nhận, nên người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính.

- Bác kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện là ông Nguyễn Tấn N.

- Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 51/2021/HC-ST ngày 27-9-2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

**2.** Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 116, điểm a khoản 2 Điều 193 của Luật Tổ tụng hành chính; xử:

- Đình chỉ giải quyết đối với các yêu cầu của ông Trần P về: Hủy Quyết định số 86/QĐ-KPHQ ngày 25-01-2007 của Chủ tịch UBND huyện K về áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả do hành vi vi phạm hành chính gây ra trong lĩnh vực đất đai đối với ông Trần P; Quyết định số 1006/QĐ-UBND ngày 02-3-2017 của Chủ tịch UBND huyện K về việc hủy bỏ Quyết định số 1045/QĐ-UBND ngày 24-3-2016;

buộc Chủ tịch UBND huyện K phải bồi thường thiệt hại do hành vi tháo dỡ tài sản trên đất với số tiền là 250.000.000 đồng.

- Bác yêu cầu khởi kiện của ông Trần P về việc buộc UBND huyện K phải cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 613 m<sup>2</sup> tại thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

**3.** Các quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

**4. Về án phí:**

Căn cứ khoản 1 Điều 349 của Luật Tổ tụng hành chính; khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 60AA/2021/0007540 ngày 11-10-2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk, nay được chuyển thành án phí; người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện đã nộp đủ án phí hành chính phúc thẩm.

**5.** Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- TANDTC - Vụ III;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- UBND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THA dân sự tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự (theo đ/chỉ);
- Lưu: h/sơ vụ án, các Phòng HCTP, LTHS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Phạm Việt Cường**